

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN KBANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 206 /UBND-KT

Kbang, ngày 19 tháng 02 năm 2019

V/v thanh tra chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg trên địa bàn huyện.

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện nhận được Quyết định số 95/QĐ-BDT ngày 15/02/2019 của Ban Dân tộc tỉnh *V/v Thanh tra chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg tại huyện Kbang*. Theo đó, Ban Dân tộc tỉnh thành lập Đoàn Thanh tra để thanh tra thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg trên địa bàn huyện Kbang; thời hạn thanh tra từ ngày 04-15/3/2019.

Về nội dung này, Ủy ban nhân dân huyện Kbang có ý kiến như sau:

Trong thời gian từ năm 2008 đến ngày 31/12/2016, trên địa bàn huyện được phê duyệt và triển khai thực hiện 2 Dự án ĐCĐC tập trung (*Làng Tung và làng Gút xã Krong*) và 12 dự án ĐCĐC xen ghép thuộc địa bàn 2 xã Krong và Đak Rong.

Giai đoạn 2008-2011, thực hiện Quyết định số 255/QĐ-TTr ngày 27/10/2011 của Thanh tra Ủy ban dân tộc, Đoàn Thanh tra Ủy ban dân tộc đã tiến hành thanh tra thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 1342/QĐ-TTg trên địa bàn huyện Kbang từ năm 2008 đến tháng 9/2011 và đã có Kết luận thanh tra số 54/KL-TTr ngày 16/3/2012.

Giai đoạn 2012-2016, thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn huyện Kbang được phân bổ 4.580 triệu đồng hỗ trợ ngân sách xã để hỗ trợ ĐCĐC xen ghép cho 229 hộ (*1.482 khẩu*) tại 12 làng thuộc 2 xã Krong và Đak Rong (*theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh*). Thực hiện Quyết định số 126/QĐ-TTr ngày 05/9/2017 của Chánh Thanh tra tỉnh Gia Lai, Thanh tra tỉnh đã tiến hành thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn vốn đầu tư xây dựng tại UBND huyện Kbang, trong đó có nội dung về thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg và đã có Kết luận thanh tra số 20/KL-TTr ngày 11/12/2017.

(gửi kèm theo 02 Kết luận thanh tra)

Với những nội dung đã nêu trên, đề nghị Ban Dân tộc tỉnh xem xét, không thực hiện thanh tra chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 1342/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg tại huyện Kbang do đã được Thanh tra Ủy ban dân tộc và Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra và có kết luận thanh tra. Đặc biệt, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Huyện Kbang đã và đang tập trung triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn, phấn đấu Huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020.

Ủy ban nhân dân huyện Kbang có văn bản này, đề nghị Ban Dân tộc tỉnh xem xét, thống nhất. */s/*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT UBND huyện;
- Đ/c Trưởng Ban Dân tộc tỉnh;
- Lưu: VP, VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**



**Phạm Xuân Trường**



Số: 20 /KL-TTr

Gia Lai, ngày 11 tháng 12 năm 2017

## **KẾT LUẬN THANH TRA**

**V/v thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước,  
và các nguồn vốn đầu tư xây dựng tại UBND huyện Kbang**

Thực hiện Quyết định số 126/QĐ-TTr ngày 05/9/2017 của Chánh Thanh tra tỉnh Gia Lai về việc thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn vốn đầu tư xây dựng tại UBND huyện Kbang.

Từ ngày 20/9 đến ngày 07/11/2017 Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại một số đơn vị thuộc UBND huyện Kbang.

Quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã làm việc với các cá nhân, tổ chức và một số đối tượng có liên quan đến các nội dung thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 30/11/2017 của Trưởng Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của các đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra.

Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

### **I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG**

Huyện Kbang là huyện miền núi, nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Gia Lai. Trung tâm huyện cách thành phố Pleiku khoảng 120 km. Phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum, phía Nam giáp thị xã An Khê, phía Đông giáp tỉnh Bình Định, phía Tây giáp huyện Mang Yang và Đak Pơ. Hiện nay toàn huyện có 14 đơn vị hành chính (gồm 13 xã và 01 thị trấn) với 167 thôn, làng, tổ dân phố, có 08 xã đặc biệt khó khăn, 06 xã vùng II. Tổng diện tích tự nhiên 184.185,92 ha, dân số khoảng 68.264 người, trong đó dân tộc thiểu số 27.396 người, chiếm 40,13%. Địa bàn rộng lớn, địa hình phức tạp có nhiều đồi núi và sông suối, hệ thống giao thông đi lại còn khó khăn, nhất là vào mùa mưa.

Đời sống của nhân dân trên địa bàn chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nhỏ lẻ, manh mún, trình độ sản xuất còn lạc hậu, chất lượng đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

### **II. KẾT QUẢ THANH TRA**

Thực hiện kế hoạch thanh tra Kinh tế - Xã hội năm 2017 của Thanh tra tỉnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thanh tra năm 2014, 2015; Kiểm toán Nhà nước đã kiểm toán năm 2016 tại một số đơn vị. Do đó Đoàn thanh tra chỉ tiến hành kiểm tra tại một số phòng, ban, các xã, thị trấn của huyện chưa thanh tra, kiểm toán về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí và công tác đầu tư xây dựng trong 03 năm 2014, 2015, 2016. Kết quả cụ thể như sau:

#### **1. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Qua kiểm tra về trình tự thủ tục, căn cứ lập, phân bổ dự toán, giao dự toán





cho các đơn vị dự toán, các xã, thị trấn.

Hàng năm, căn cứ Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách; Quyết định của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách cho các huyện, thị xã, thành phố. UBND huyện đã xây dựng phương án dự toán thu, chi ngân sách huyện trình HĐND huyện phê chuẩn. Trên cơ sở đó UBND huyện ban hành Quyết định giao dự toán cho các đơn vị thụ hưởng và ngân sách xã, thị trấn, đảm bảo đủ nguồn kinh phí để các đơn vị chủ động thực hiện nhiệm vụ.

HĐND huyện đã có Nghị quyết phê chuẩn dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách huyện hàng năm.

Phòng Tài chính - Kế hoạch đã tham mưu giúp cho Lãnh đạo UBND huyện về quản lý điều hành thu, chi ngân sách. Việc điều hành ngân sách cơ bản theo phương án đã được HĐND phê duyệt và Quyết định giao dự toán của UBND huyện. Hàng năm, Phòng đã thẩm tra, quyết toán cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách và các xã, thị trấn kịp thời, đúng quy định.

Việc thu, chi ngân sách huyện (có Biểu số 01 kèm theo).

Thu ngân sách: Chủ yếu là thu hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, ngoài ra có một số khoản thu vượt như thu về nhà đất, phí, lệ phí ...

Chi ngân sách: Việc thực hiện chi ngân sách vượt chỉ tiêu so với dự toán tỉnh và huyện giao, chủ yếu là chi thường xuyên và đầu tư phát triển (từ nguồn kết dư, chuyển nguồn năm trước sang, nguồn bổ sung có mục tiêu).

Nhìn chung qua cân đối thu, chi ngân sách huyện, đã đảm bảo các khoản chi để phục vụ cho bộ máy quản lý nhà nước hoạt động, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị - kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn.

## 2. Văn phòng HĐND - UBND huyện

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Nguồn kinh phí        | Năm 2014 |            |     | Năm 2015  |            |         | Năm 2016  |            |        |
|-----------------------|----------|------------|-----|-----------|------------|---------|-----------|------------|--------|
|                       | Dự toán  | Quyết toán | Tồn | Dự toán   | Quyết toán | Tồn     | Dự toán   | Quyết toán | Tồn    |
| Tổng kinh phí         |          |            |     | 5.600.662 | 5.490.887  | 109.775 | 5.014.102 | 4.934.791  | 79.311 |
| Kinh phí tự chủ       |          |            |     | 2.420.948 | 2.420.948  | 0       | 2.367.723 | 2.367.723  | 0      |
| Kinh phí không tự chủ |          |            |     | 3.179.714 | 3.069.939  | 109.775 | 2.646.379 | 2.567.068  | 79.311 |

\* Nhận xét:

Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách, chứng từ thanh quyết toán, hàng năm đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, việc quản lý, sử dụng kinh phí chi tiêu cơ bản phù hợp với chế độ, định mức, tiêu chuẩn và dự toán. Tuy nhiên, còn một số khoản chi chưa phù hợp với định mức quy định.

## 3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Đơn vị tính: 1000 đồng

| Nguồn kinh phí | Năm 2014 |            |     | Năm 2015 |            |     | Năm 2016 |            |     |
|----------------|----------|------------|-----|----------|------------|-----|----------|------------|-----|
|                | Dự toán  | Quyết toán | Tồn | Dự toán  | Quyết toán | Tồn | Dự toán  | Quyết toán | Tồn |



|                       |           |           |   |           |           |   |            |            |   |
|-----------------------|-----------|-----------|---|-----------|-----------|---|------------|------------|---|
| Tổng kinh phí         | 5.277.493 | 5.277.493 | 0 | 5.541.192 | 5.541.192 | 0 | 31.539.020 | 31.539.020 | 0 |
| Kinh phí tự chủ       | 785.568   | 785.568   | 0 | 803.283   | 803.283   | 0 | 533.936    | 533.936    | 0 |
| Kinh phí không tự chủ | 4.491.925 | 4.491.925 | 0 | 4.737.909 | 4.737.909 | 0 | 7.515.637  | 7.515.637  | 0 |
| Kinh phí TW ủy quyền  |           |           |   |           |           |   | 23.489.447 | 23.489.447 | 0 |

\* Nhận xét:

Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách, chứng từ, hàng năm đơn vị đã lập dự toán và thanh quyết toán cơ bản phù hợp với chế độ, định mức tiêu chuẩn, có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; việc quản lý, sử dụng kinh phí nhìn chung đúng dự toán và chế độ quy định.

#### 4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

Đơn vị tính: 1000 đồng

| Nguồn kinh phí                        | Năm 2014   |            |     | Năm 2015  |            |     | Năm 2016  |            |     |
|---------------------------------------|------------|------------|-----|-----------|------------|-----|-----------|------------|-----|
|                                       | Dự toán    | Quyết toán | Tồn | Dự toán   | Quyết toán | Tồn | Dự toán   | Quyết toán | Tồn |
| Tổng kinh phí                         | 11.870.517 | 11.870.517 | 0   | 3.132.729 | 3.132.729  | 0   | 4.606.746 | 4.606.746  | 0   |
| Kinh phí tự chủ                       | 1.063.874  | 1.063.874  | 0   | 930.044   | 930.044    | 0   | 1.119.105 | 1.119.105  | 0   |
| Kinh phí không tự chủ (vốn sự nghiệp) | 10.806.643 | 10.806.643 | 0   | 2.202.685 | 2.202.685  | 0   | 3.487.641 | 3.487.641  | 0   |

\* Nhận xét:

Về chi thường xuyên: Nhìn chung, các khoản chi cơ bản đúng chế độ, định mức tiêu chuẩn, có hóa đơn chứng từ đúng quy định.

Về các nguồn chi sự nghiệp: đơn vị thực hiện sửa chữa, san gạt nền đường, nạo vét cống rãnh, xây mương thoát nước... Qua kiểm tra hồ sơ thiết kế, dự toán, quyết toán và các chứng từ liên quan của các công trình sửa chữa và kết quả kiểm tra thực tế. Đơn vị cơ bản thực hiện đúng các quy trình, thủ tục theo quy định; các công trình đưa vào sử dụng cơ bản đạt yêu cầu, góp phần chỉnh trang đô thị. Tuy nhiên, có 09 công trình quyết toán tính sai định mức, như đắp đất, san gạt nền đường, lắp đặt ống cống... không đúng theo Văn bản số 1776, 1778/BXD-VP ngày 16/8/2007, Quyết định số 587/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng, Quyết định số 3409/QĐ-BGTVT ngày 08/9/2014 của Bộ Giao thông Vận tải, số tiền sai phạm **66.452.000 đồng**.

#### 5. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đơn vị tính: 1000 đồng

| Nguồn kinh phí  | Năm 2014  |            |     | Năm 2015 |            |     | Năm 2016 |            |     |
|-----------------|-----------|------------|-----|----------|------------|-----|----------|------------|-----|
|                 | Dự toán   | Quyết toán | Tồn | Dự toán  | Quyết toán | Tồn | Dự toán  | Quyết toán | Tồn |
| Tổng kinh phí   | 1.898.855 | 1.898.855  | 0   | 933.344  | 933.344    | 0   | 743.171  | 743.171    | 0   |
| Kinh phí tự chủ | 415.706   | 415.706    | 0   | 343.880  | 343.880    | 0   | 369.122  | 369.122    | 0   |

|                              |           |           |   |         |         |   |         |         |   |
|------------------------------|-----------|-----------|---|---------|---------|---|---------|---------|---|
| Kinh phí không tự chủ        | 1.239.901 | 1.239.901 | 0 | 352.576 | 352.576 | 0 | 120.749 | 120.749 | 0 |
| Kinh phí cải cách tiền lương | 243.248   | 243.248   | 0 | 236.888 | 236.888 | 0 | 253.300 | 253.300 | 0 |

\* Nhận xét:

Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách, chứng từ, việc lập dự toán và thanh quyết toán cơ bản phù hợp với chế độ, định mức, tiêu chuẩn, đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; việc quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định.

## 6. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Đơn vị tính: 1000 đồng

| Nguồn kinh phí               | Năm 2014         |                  |          | Năm 2015         |                  |          | Năm 2016         |                  |          |
|------------------------------|------------------|------------------|----------|------------------|------------------|----------|------------------|------------------|----------|
|                              | Dự toán          | Quyết toán       | Tồn      | Dự toán          | Quyết toán       | Tồn      | Dự toán          | Quyết toán       | Tồn      |
| <b>Tổng kinh phí</b>         | <b>2.011.305</b> | <b>2.011.305</b> | <b>0</b> | <b>2.386.933</b> | <b>2.386.933</b> | <b>0</b> | <b>1.264.918</b> | <b>1.264.918</b> | <b>0</b> |
| Kinh phí tự chủ              | 398.361          | 398.361          | 0        | 385.371          | 385.371          | 0        | 387.355          | 387.355          | 0        |
| Kinh phí không tự chủ        | 1.375.083        | 1.375.083        | 0        | 1.763.339        | 1.763.339        | 0        | 613.086          | 613.086          | 0        |
| Kinh phí cải cách tiền lương | 237.861          | 237.861          | 0        | 238.223          | 238.223          | 0        | 264.477          | 264.477          | 0        |

\* Nhận xét:

Qua kiểm tra sổ sách, chứng từ, việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí hàng năm đơn vị có lập dự toán, thanh quyết toán có đầy đủ chứng từ. Nhìn chung các khoản chi cơ bản đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn, có hóa đơn đúng quy định. Tuy nhiên, việc cấp phát văn phòng phẩm chưa mở sổ theo dõi, năm 2014 chi tiếp khách không đúng theo Thông tư số 01/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính, số tiền **7.540.000 đồng**.

## 7. Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Nguồn kinh phí        | Năm 2014  |            |        | Năm 2015  |            |        | Năm 2016  |            |         |
|-----------------------|-----------|------------|--------|-----------|------------|--------|-----------|------------|---------|
|                       | Dự toán   | Quyết toán | Tồn    | Dự toán   | Quyết toán | Tồn    | Dự toán   | Quyết toán | Tồn     |
| Kinh phí không tự chủ | 2.018.799 | 1.977.336  | 41.463 | 2.105.064 | 2.029.885  | 75.179 | 2.197.383 | 1.981.127  | 216.256 |

\* Nhận xét:

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ, việc quản lý và sử dụng kinh phí chi tiêu tương đối phù hợp với chế độ, định mức, tiêu chuẩn và dự toán. Tuy nhiên, vẫn còn có một số chứng từ thanh toán tiền dạy tăng giờ cho các lớp văn hóa và dạy nghề không đúng quy định với số tiền là: **107.952.000 đồng** (trong đó: năm 2014: 44.260.000 đồng, năm 2015: 40.198.000 đồng, năm 2016: 23.494.000 đồng).

## 8. Trung tâm Bồi dưỡng chính trị

Đơn vị tính: 1000 đồng

| Nguồn kinh phí | Năm 2014 |            |     | Năm 2015 |            |     | Năm 2016 |            |     |
|----------------|----------|------------|-----|----------|------------|-----|----------|------------|-----|
|                | Dự toán  | Quyết toán | Tồn | Dự toán  | Quyết toán | Tồn | Dự toán  | Quyết toán | Tồn |



|                       |         |         |    |         |         |   |           |           |         |
|-----------------------|---------|---------|----|---------|---------|---|-----------|-----------|---------|
| Kinh phí không tự chủ | 875.974 | 875.916 | 57 | 936.308 | 936.308 | 0 | 1.248.144 | 1.135.311 | 112.832 |
|-----------------------|---------|---------|----|---------|---------|---|-----------|-----------|---------|

\* Nhận xét:

Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách, chứng từ thanh quyết toán của đơn vị, nhìn chung, việc quản lý và sử dụng kinh phí chi tiêu tương đối phù hợp với chế độ, định mức tiêu chuẩn và dự toán, đơn vị có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Tuy nhiên còn một số chứng từ thanh toán thiếu hồ sơ liên quan, thời gian thanh toán kéo dài...

### 9. Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Nguồn kinh phí        | Năm 2014  |            |       | Năm 2015  |            |     | Năm 2016  |            |     |
|-----------------------|-----------|------------|-------|-----------|------------|-----|-----------|------------|-----|
|                       | Dự toán   | Quyết toán | Tồn   | Dự toán   | Quyết toán | Tồn | Dự toán   | Quyết toán | Tồn |
| Kinh phí không tự chủ | 1.442.530 | 1.438.689  | 3.841 | 1.668.597 | 1.668.597  | 0   | 1.660.889 | 1.660.889  | 0   |

\* Nhận xét:

Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách, chứng từ thanh quyết toán của đơn vị, việc quản lý và sử dụng kinh phí chi tiêu tương đối phù hợp với chế độ, định mức tiêu chuẩn và dự toán. Tuy nhiên, còn có khoản chi chưa đảm bảo chứng từ thanh toán.

### 10. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao

Đơn vị tính: 1000 đồng

| Nguồn kinh phí        | Năm 2014 |            |     | Năm 2015  |            |     | Năm 2016  |            |     |
|-----------------------|----------|------------|-----|-----------|------------|-----|-----------|------------|-----|
|                       | Dự toán  | Quyết toán | Tồn | Dự toán   | Quyết toán | Tồn | Dự toán   | Quyết toán | Tồn |
| Tổng kinh phí         |          |            |     | 1.866.162 | 1.866.162  | 0   | 1.481.527 | 1.481.527  | 0   |
| Kinh phí tự chủ       |          |            |     | 360.554   | 360.554    | 0   | 388.460   | 388.460    | 0   |
| Kinh phí không tự chủ |          |            |     | 1.505.608 | 1.505.608  | 0   | 1.093.067 | 1.093.067  | 0   |

\* Nhận xét:

Qua kiểm tra chứng từ, sổ sách, việc quản lý, sử dụng kinh phí, hàng năm đơn vị có lập dự toán và thanh quyết toán có đầy đủ chứng từ, cơ bản phù hợp với chế độ, định mức. Các khoản chi có hóa đơn, chứng từ theo quy định.

### 11. Đài Truyền thanh – truyền hình

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Nguồn kinh phí        | Năm 2014  |            |     | Năm 2015  |            |     | Năm 2016  |            |     |
|-----------------------|-----------|------------|-----|-----------|------------|-----|-----------|------------|-----|
|                       | Dự toán   | Quyết toán | Tồn | Dự toán   | Quyết toán | Tồn | Dự toán   | Quyết toán | Tồn |
| Kinh phí không tự chủ | 1.551.371 | 1.551.371  | 0   | 1.409.920 | 1.409.920  | 0   | 1.286.085 | 1.286.085  | 0   |

\* Nhận xét:

Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách, chứng từ, việc quản lý, sử dụng kinh phí chi tiêu phù hợp với chế độ, định mức, tiêu chuẩn và dự toán, đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán tương đối đầy đủ, đúng chế độ quy định.

## 12. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Đơn vị tính: 1000 đồng

| Nội dung chi               | Năm 2014 |            |     | Năm 2015          |                   |                  | Năm 2016 |            |     |
|----------------------------|----------|------------|-----|-------------------|-------------------|------------------|----------|------------|-----|
|                            | Dự toán  | Quyết toán | Tồn | Dự toán           | Quyết toán        | Tồn              | Dự toán  | Quyết toán | Tồn |
| <b>Tổng kinh phí</b>       |          |            |     | <b>59.163.019</b> | <b>57.577.741</b> | <b>1.585.278</b> |          |            |     |
| Chi thường xuyên tại phòng |          |            |     | 809.467           | 809.467           | 0                |          |            |     |
| Khối Mầm non               |          |            |     | 31.240.047        | 30.893.452        | 346.594          |          |            |     |
| Khối Tiểu học              |          |            |     | 14.937.399        | 14.073.014        | 864.384          |          |            |     |
| Khối Trung học cơ sở       |          |            |     | 12.176.105        | 11.801.806        | 374.298          |          |            |     |

\* Nhận xét:

Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách, chứng từ thanh quyết toán của đơn vị, việc quản lý, sử dụng kinh phí chi tiêu phù hợp với chế độ, định mức, tiêu chuẩn và dự toán, đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ.

Tuy nhiên, trong năm 2015 Phòng Giáo dục và Đào tạo đã thanh toán các chế độ cho giáo viên, viên chức không đúng quy định; về chế độ phụ cấp khu vực không đúng theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ LĐ-TB&XH, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc, phụ cấp ưu đãi nghề y tế không đúng theo Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, chậm sáng kiến kinh nghiệm... với số tiền: **108.857.000 đồng**. Cụ thể:

- Nguồn Mầm non thanh toán không đúng quy định số tiền: 76.235.000 đ.
- Nguồn Tiểu học thanh toán không đúng quy định số tiền: 29.622.000 đ.
- Nguồn THCS thanh toán không đúng quy định số tiền: 3.000.000 đ.

## 13. Các Trường học thực hiện kinh phí tự chủ

Có 22 trường thực hiện kinh phí tự chủ.

Nhận xét:

Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách, chứng từ thanh quyết toán của 01 Trường Mầm non, 12 Trường Tiểu học và 09 Trường THCS được giao chế độ tự chủ về tài chính, hàng năm các trường đã xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí được cấp theo quy định, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ, việc chi tiêu cơ bản phù hợp chế độ, định mức.

Tuy nhiên, còn có nhiều trường thanh toán các chế độ cho giáo viên, viên chức không đúng quy định; như phụ cấp khu vực không đúng theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005, phụ cấp ưu đãi nghề y tế không đúng theo Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 19/01/2012, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thu hút không đúng theo Thông tư số 06/2007/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 27/3/2007, phụ cấp lâu năm không đúng theo Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BNV-BTC ngày 31/8/2011, tổng số tiền sai phạm **418.682.000 đồng**. Cụ thể:

- Khối Tiểu học có 11 trường thanh toán không đúng quy định, số tiền



188.604.000 đồng.

- Khối Trung học cơ sở có 09 trường thanh toán không đúng quy định, số tiền 230.078.000 đồng.

(Có Biểu số 02 kèm theo)

#### 14. Trạm Quản lý Thủy nông

Đơn vị tính: 1000 đồng

| Nội dung chi                   | Năm 2014 |            |     | Năm 2015 |            |     | Năm 2016  |            |         |
|--------------------------------|----------|------------|-----|----------|------------|-----|-----------|------------|---------|
|                                | Dự toán  | Quyết toán | Tồn | Dự toán  | Quyết toán | Tồn | Dự toán   | Quyết toán | Tồn     |
| Tổng kinh phí                  |          |            |     |          |            |     | 7.026.240 | 6.724.303  | 301.937 |
| Cấp bù miễn thu thủy lợi phí   |          |            |     |          |            |     | 2.596.808 | 2.554.838  | 41.970  |
| Sự nghiệp thủy lợi             |          |            |     |          |            |     | 540.000   | 501.351    | 38.649  |
| Trung ương Bổ sung có mục tiêu |          |            |     |          |            |     | 886.881   | 886.881    |         |
| Sự nghiệp kinh tế khác         |          |            |     |          |            |     | 409.573   | 389.708    | 19.865  |
| Dự phòng Ngân sách huyện       |          |            |     |          |            |     | 163.870   | 157.736    | 6.134   |
| Tỉnh bổ sung có mục tiêu       |          |            |     |          |            |     | 43.707    | 43.707     |         |
| Thực hiện chương trình 755     |          |            |     |          |            |     | 2.385.000 | 2.189.681  | 195.319 |
| Hỗ trợ tết nguyên đán          |          |            |     |          |            |     | 400       | 400        |         |

\*Nhận xét:

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ; sổ sách của đơn vị năm 2016, việc ghi chép rõ ràng, tương đối đầy đủ. Việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí được cấp cơ bản đúng quy định. Các khoản chi thường xuyên phù hợp với chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

Đối với các nguồn kinh phí thực hiện thi công, sửa chữa các công trình thủy lợi và hệ thống nước sạch trên địa bàn huyện do đơn vị làm đại diện Chủ đầu tư, cơ bản thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng, quy chế đấu thầu, chỉ định thầu, thanh quyết toán khối lượng công trình. Các công trình đưa vào sử dụng đảm bảo đạt yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có 01 công trình hồ sơ tính sai định mức theo văn bản quy định, 02 công trình thi công thiếu khối lượng, với số tiền **22.911.000 đồng**.

#### 15. Ban quản lý Hạ tầng giao thông – đô thị

Đơn vị tính: 1000 đồng

| Nguồn kinh phí           | Năm 2014  |            |           | Năm 2015  |            |         | Năm 2016  |            |         |
|--------------------------|-----------|------------|-----------|-----------|------------|---------|-----------|------------|---------|
|                          | Dự toán   | Quyết toán | Tồn       | Dự toán   | Quyết toán | Tồn     | Dự toán   | Quyết toán | Tồn     |
| Tổng kinh phí            | 5.117.819 | 3.638.128  | 1.479.691 | 3.634.739 | 3.331.996  | 302.743 | 4.062.994 | 3.477.799  | 585.195 |
| 1. BQL công trình đô thị |           |            |           |           |            |         |           |            |         |

|                                     |           |           |           |           |           |         |           |           |         |
|-------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|---------|-----------|-----------|---------|
| Nguồn kiến thiết thị chính          | 777.000   | 637.115   | 139.885   | 827.000   | 801.875   | 25.125  | 1.257.300 | 705.434   | 551.866 |
| Nguồn sự nghiệp môi trường          | 1.347.000 | 45.139    | 1.301.861 | 1.568.880 | 1.410.344 | 158.536 | 216.000   | 182.870   | 33.130  |
| Nguồn bổ sung                       | 557.000   | 563.977   | (6.977)   | 638.874   | 519.792   | 119.082 | 140.384   | 140.184   | 200     |
| <b>2. Đội công trình giao thông</b> |           |           |           |           |           |         |           |           |         |
| Nguồn kiến thiết thị chính          | 300.000   | 300.000   | 0         |           |           |         |           |           |         |
| Nguồn sự nghiệp giao thông          | 2.136.819 | 2.091.897 | 44.922    | 599.985   | 599.985   | 0       | 2.449.310 | 2.449.310 | 0       |

**\*Nhận xét:**

Qua kiểm tra sổ sách, chứng từ, đơn vị đã quản lý sử dụng các nguồn kinh phí và thanh quyết toán cơ bản có đầy đủ các hóa đơn, chứng từ, phù hợp với chế độ tài chính, kế toán.

Trong 03 năm 2014 - 2016, đơn vị đã thực hiện sửa chữa cho 41 hạng mục công trình với tổng số vốn quyết toán 5.441.192.000 đồng bao gồm: san gạt các tuyến đường, sửa chữa cầu cống, hệ thống thoát nước, phát quang cây cỏ..., để đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn huyện.

Các công trình cơ bản thi công, sửa chữa theo hồ sơ thiết kế, hoàn thành đưa vào sử dụng cơ bản đạt yêu cầu; qua đó, góp phần chỉnh trang đô thị. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát lập dự toán sửa chữa, thẩm định dự toán, thanh quyết toán khối lượng công trình, Ban quản lý Hạ tầng giao thông - đô thị; Phòng Kinh tế - Hạ tầng vẫn còn một số sai sót như: định mức sửa chữa nền đường, áp giá vật liệu không đúng theo các văn bản quy định, tính sai khối lượng... Cụ thể có 10 công trình còn sai phạm với giá trị: **95.998.000 đồng**.

(Có Biểu số 03 kèm theo).

## **16. Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng**

Kiểm tra các công trình được đầu tư xây dựng trong 02 năm 2014, 2016 do BQL Dự án Đầu tư Xây dựng huyện làm đại diện Chủ đầu tư, chưa được thanh, kiểm tra trên địa bàn huyện gồm 90 công trình, bằng nhiều nguồn vốn với tổng số vốn quyết toán 95.457.945.000 đồng, trong đó giá trị xây lắp 85.256.361.000 đồng, cụ thể:

- Năm 2014: gồm 34 công trình với số vốn quyết toán: 19.848.975.000 đồng, trong đó quyết toán xây lắp: 18.158.270.000 đồng.

- Năm 2016: gồm 56 công trình với số vốn quyết toán: 75.608.970.000 đồng, trong đó quyết toán xây lắp: 67.098.091.000 đồng.

Qua kiểm tra 90/90 hồ sơ thiết kế, dự toán, hồ sơ quyết toán, bản vẽ hoàn công và kiểm tra thực tế 70/90 công trình. Đơn vị cơ bản thực hiện đúng theo các văn bản quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng, quy chế đấu thầu, chỉ định thầu, thanh quyết toán khối lượng công trình; các công trình đưa vào sử dụng cơ bản đạt yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm định, giám sát, đơn vị thi công vẫn còn để xảy ra những sai sót như: thi công thiếu khối lượng, hồ sơ dự toán, quyết toán áp sai định mức, sai tiêu chuẩn thiết kế, sai đơn giá vật liệu... theo các văn bản quy định. Có 14 công trình



- Sai sót trên hồ sơ, gồm 07 công trình, số tiền 61.347.000 đồng.
- Thi công thiếu khối lượng, gồm 07 công trình, số tiền 71.958.000 đồng.  
(Có Biểu số 04 kèm theo).

### 17. Các chương trình, dự án các xã, thị trấn

Trong 3 năm 2014-2016, tại 13 xã và 01 thị trấn đã được đầu tư xây dựng gồm 61 công trình, với tổng số vốn quyết toán là 29.117.445.000 đồng (trong đó giá trị xây lắp 26.791.286.000 đồng).

Qua kiểm tra hồ sơ và đi thực tế một số công trình, các xã, thị trấn cơ bản thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng, quy chế đấu thầu, chỉ định thầu, thanh quyết toán khối lượng công trình. Các công trình đưa vào sử dụng đảm bảo đạt yêu cầu. Tuy nhiên, vẫn còn có một số công trình hồ sơ dự toán, quyết toán tính sai đơn giá, định mức theo các văn bản quy định, thiếu thuế tài nguyên, phí môi trường, thi công thiếu khối lượng, gồm 07 công trình tại 05 xã, thị trấn với số tiền là **39.031.000** đồng, cụ thể:

- Tính sai đơn giá, định mức, thiếu thuế tài nguyên, phí môi trường gồm 06 công trình, số tiền 24.456.000 đồng (thị trấn KBang 02 công trình số tiền 11.504.000 đồng; xã Kon Pnê 02 công trình số tiền 5.454.000 đồng; xã Đăk Hlơ 01 công trình số tiền 5.541.000 đồng; xã Kông Bơ La 01 công trình số tiền 1.957.000 đồng).

- Thi công thiếu khối lượng, gồm 01 công trình xã Lơ Ku, số tiền 14.575.000 đồng.

## III. KẾT LUẬN

Về quản lý, điều hành ngân sách, trên cơ sở Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách của UBND tỉnh. Hàng năm UBND huyện Kbang đã xây dựng phương án, định mức, phân bổ dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị, phòng, ban chuyên môn trình HĐND huyện thông qua theo đúng quy định, đảm bảo cho bộ máy nhà nước ở huyện hoạt động để hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng được giao trên địa bàn.

Về công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện. Trong quá trình thực hiện dù gặp nhiều khó khăn, do địa bàn rộng, địa hình phức tạp nhưng UBND huyện đã cố gắng, chỉ đạo các phòng, ban cùng với đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát và đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đưa các công trình sớm đi vào sử dụng và phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống, vật chất tinh thần cho người dân địa phương, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện việc quản lý, điều hành, sử dụng ngân sách, công tác đầu tư xây dựng cơ bản vẫn còn một số sai phạm, cụ thể:

### 1. Về quản lý thu, chi ngân sách

- Phòng Giáo dục và Đào tạo năm 2015 thanh toán các chế độ, chính sách, cho giáo viên, viên chức không đúng quy định số tiền **108.857.000** đồng.

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, trong 03 năm thanh toán tiền dạy tăng giờ không đúng quy định, số tiền **107.952.000** đồng.

- Các trường thực hiện kinh phí tự chủ (gồm 20 trường) thanh toán các chế độ, chính sách cho giáo viên, viên chức không đúng quy định, số tiền **418.682.000**



đồng.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường, năm 2014 chi tiếp khách không đúng quy định, số tiền **7.540.000 đồng**.

- Phòng Kinh tế - Hạ tầng trong 03 năm có một số công trình sửa chữa, quyết toán sai quy định, số tiền **66.452.000 đồng**.

## **2. Về quản lý thực hiện các công trình xây dựng**

Trong quá trình thực hiện quản lý, đầu tư xây dựng vẫn còn một số sai phạm như trong khâu lập hồ sơ dự toán, hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán và thi công thiếu khối lượng. Cụ thể :

- Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng:

Giá trị sai phạm các công trình qua kiểm tra là **133.305.000 đồng**.

Tỷ lệ sai phạm/tổng vốn 0,15 %.

- Trạm Quản lý Thủy nông:

Giá trị sai phạm các công trình qua kiểm tra là, số tiền **22.911.000 đồng**.

Tỷ lệ sai phạm/tổng vốn 0,36 %.

- Ban quản lý Hạ tầng giao thông – đô thị:

Giá trị sai phạm các công trình qua kiểm tra là **95.998.000 đồng**.

Tỷ lệ sai phạm/tổng vốn 1,8 %

- Dự án các xã, thị trấn:

Giá trị sai phạm các công trình qua kiểm tra là **39.031.000 đồng**.

Tỷ lệ sai phạm/tổng vốn: 0,14 %

## **IV. KIẾN NGHỊ**

### **1. Đề nghị UBND tỉnh:**

- Chỉ đạo Chủ tịch UBND huyện Kbang tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có sai phạm trong quá trình quản lý, điều hành ngân sách, thực thi nhiệm vụ.

- Tăng cường hơn nữa việc thực hiện công tác quản lý, điều hành về thu, chi ngân sách và công tác kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư trong việc thực hiện công tác đầu tư xây dựng tại địa phương.

- Yêu cầu các đơn vị thu hồi số tiền **1.000.728.000 đồng** nộp vào ngân sách nhà nước theo Quyết định của Chánh Thanh tra tỉnh.

### **2. Đề nghị UBND huyện KBang:**

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với Thủ trưởng các đơn vị được giao dự toán và các cá nhân có liên quan đến sai phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, sử dụng ngân sách như đã nêu trên.

- Chỉ đạo các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn phải thực hiện đúng Luật Ngân sách, Luật kế toán và Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Trong quá trình sử dụng kinh phí, cần chấp hành đúng các quy định của Nhà nước và thực hiện nghiêm túc pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Chỉ đạo các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn làm đại diện chủ đầu tư trong xây dựng cơ bản lựa chọn những đơn vị có năng lực, trách nhiệm và uy tín trong công tác thiết kế, giám sát, thi công nhằm tiết kiệm, nâng cao hiệu quả, chất lượng công trình.

- Chỉ đạo các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn cùng với các đơn vị có liên